

Đề thi thử 8**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)**

Câu 1. Kết quả của phép tính $A = \frac{-3}{31} + \frac{-6}{17} + \frac{1}{25} + \frac{-28}{31} + \frac{-11}{17} + \frac{-1}{5}$ là

- A. $\frac{54}{25}$ B. $\frac{-54}{25}$ C. $\frac{25}{54}$ D. $\frac{-25}{54}$

Câu 2. Một tấm bìa hình chữ nhật có diện tích là $\frac{4}{5} \text{ cm}^2$, chiều rộng là $\frac{2}{3} \text{ cm}$. Tính chu vi của tấm bìa đó.

- A. $\frac{28}{15}$. B. $\frac{44}{15}$. C. $\frac{6}{5}$. D. $\frac{56}{15}$.

Câu 3. Hình lập phương nào trong các hình lập phương sau có giá trị của thể tích bằng giá trị của diện tích toàn phần?

- A. Hình lập phương cạnh 6cm B. Hình lập phương cạnh 7cm
C. Hình lập phương cạnh 4cm D. Hình lập phương cạnh 5cm

Câu 4. Tìm x biết $|3x - 1| = \frac{1}{2}$

- A. $x = \frac{1}{2}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$ B. $x = \frac{1}{6}$ hoặc $x = \frac{1}{2}$
C. $x = -\frac{1}{6}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$ D. $x = \frac{1}{6}$ hoặc $x = -\frac{1}{6}$

Câu 5. Bác Huyền mua 10 mớ rau muống với giá 12 nghìn đồng một mớ. Cùng với số tiền đó bác Huyền mua được 15 mớ rau cải. Vậy một mớ rau cải có giá là

- A. 10 nghìn đồng. B. 5 nghìn đồng. C. 8 nghìn đồng. D. 6 nghìn đồng.

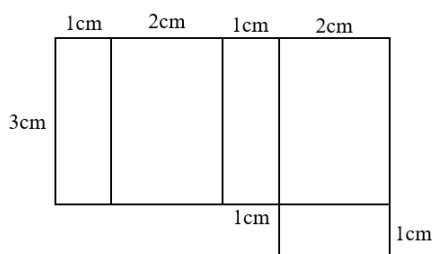
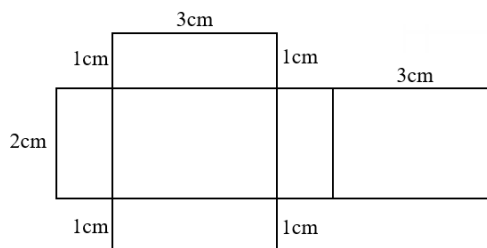
Câu 6. Các số biểu diễn số hữu tỉ $1\frac{2}{3}$ là

- A. $\frac{5}{3}; 2\frac{4}{6}; 3\frac{6}{9}; 4\frac{8}{12}$. B. $\frac{5}{3}; \frac{-5}{3}; \frac{3}{5}; \frac{-3}{5}$. C. $\frac{5}{3}; 2\frac{4}{3}; 3\frac{6}{3}; 4\frac{8}{3}$. D. $\frac{5}{3}; 1\frac{4}{6}; 1\frac{6}{9}; 1\frac{8}{12}$.

Câu 7. Qua một điểm nằm ngoài đường thẳng d có

- A. ít nhất một đường thẳng vuông góc với đường thẳng d
B. vô số đường thẳng vuông góc với đường thẳng d .
C. nhiều hơn hai đường thẳng vuông góc với đường thẳng d
D. duy nhất một đường thẳng vuông góc với đường thẳng d

Câu 8. Cho hai tấm bìa sau:

**Hình 1****Hình 2**

Kết luận đúng là

- A. Chỉ tấm bìa ở Hình 2 ghép được hình hộp chữ nhật

- B. Cả hai tấm bìa ở Hình 1 và Hình 2 đều ghép được hình hộp chữ nhật
 C. Cả hai tấm bìa ở Hình 1 và Hình 2 đều không ghép được hình hộp chữ nhật
 D. Chỉ tấm bìa ở Hình 1 ghép được hình hộp chữ nhật

Câu 9. So sánh hai phân số: $\frac{1234}{1235}$ và $\frac{4319}{4320}$

- A. $\frac{1234}{1235} = \frac{4319}{4320}$. B. $\frac{1234}{1235} < \frac{4319}{4320}$. C. $\frac{1234}{1235} > \frac{4319}{4320}$. D. Không thể so sánh.

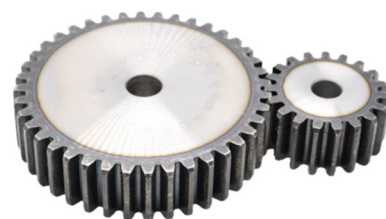
Câu 10. Viết số thập phân vô hạn tuần hoàn $0,(27)$ dưới dạng phân số

- A. $\frac{2}{7}$. B. $\frac{3}{99}$. C. $\frac{3}{11}$. D. $\frac{27}{100}$.

Câu 11. Tính $3,(5) - 4\frac{1}{3} + 5,(4)$ ta được kết quả với độ chính xác $d=0,0005$ là

- A. 4,667. B. 4,666. C. 4,6667. D. 4,67.

Câu 12. Để truyền một chuyển động người ta có thể dùng dây xích nối hai bánh xe có răng, hoặc các bánh xe có răng khớp với nhau, hoặc dùng dây cu-roa. Ta xét một bộ máy truyền chuyển động có hai bánh xe khớp với nhau. Nếu bánh xe thứ hai có 3 răng và quay 18 vòng/phút thì bánh xe thứ nhất quay 6 vòng/phút sẽ có bao nhiêu răng?



- A. 8 B. 12 C. 9 D. 14

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (1.0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{11}{8} \cdot \left[\left(\frac{-5}{11} : \frac{13}{8} - \frac{5}{11} : \frac{13}{5} \right) + \frac{-6}{33} \right] + \frac{-3}{4}$

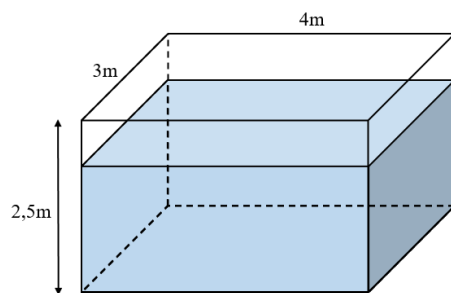
b) $\left(\frac{13}{23} - \left| -\frac{15}{4} \right| \right) + \left(\frac{2\sqrt{25}}{23} - \frac{1}{\sqrt{16}} - \frac{2}{3^3} \right)$

Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết a) $\frac{2}{3}x - \frac{1}{2} = \sqrt{\frac{9}{16}}$

b) $\left| x - \frac{1}{3} \right| - 0,25 = \frac{1}{2}$

Câu 15. (1.0 điểm) Tìm x, y, z biết $\frac{x}{3} = \frac{y}{-7} = \frac{z}{9}$ và $x + y + z = 1$

Câu 16. (1.0 điểm) Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau: Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?



Câu 17. (1.5 điểm) Nhà bạn An có một bể nước hình hộp chữ nhật với kích thước chiều dài đáy bể là 4m, chiều rộng đáy bể là 3m và chiều cao của bể là 2,5m. Ba bạn An đổ nước vào bể sao cho khoảng từ mặt nước đến miệng bể là 0,3m. Hỏi thể tích nước trong bể là bao nhiêu ?

- a) Tính thể tích của bể nước.
 b) Tính thể tích của lượng nước trong bể.

Câu 18. (1.5 điểm) Cho định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì chúng song song với nhau”.

- a) Vẽ hình minh họa định lí trên.
 b) Viết giả thiết, kết luận của định lí trên.

Đề thi thử 7**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)**

Câu 1. Cho $A = \frac{1}{5} - \left[\left(\frac{-2}{3} \right) - \left(\frac{1}{3} + \frac{5}{6} \right) \right]$. Khi đó

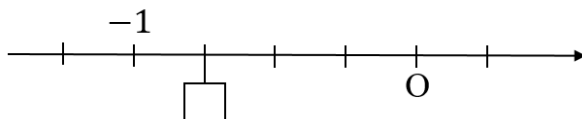
A. $A = 2$

B. $A > 2$

C. $A < 2$

D. Chưa kết luận được

Câu 2. Điền vào ô trống



A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{-3}{4}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{-1}{2}$

Câu 3. Khi bỏ dấu ngoặc trong biểu thức $-(-a + b - 5 - c)$ ta được kết quả là

A. $-a + b - 5 - c$

B. $a + b - 5 - c$

C. $a - b + 5 + c$

D. $-a - b + 5 + c$

Câu 4. Số thập phân 0,015 được biểu diễn dưới dạng phân số tối giản nào?

A. $\frac{3}{100}$

B. $\frac{1}{100}$

C. $\frac{1}{200}$

D. $\frac{3}{200}$

Câu 5. Căn bậc hai số học của 81 là

A. 9

B. -9

C. -9 và 9

D. 81

Câu 6. Kết quả của phép tính $A = \left| \frac{2}{3} - \frac{\sqrt{81}}{3^2} \right| - \left(\frac{\sqrt{25}}{15} + \frac{1}{5} \right)$ là

A. $\frac{1}{5}$

B. $-\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{-22}$

D. $\frac{1}{22}$

Câu 7. Tìm x biết $|2x| = \frac{1}{3}$

A. $x = \frac{1}{3}$ hoặc $x = -\frac{1}{3}$

B. $x = \frac{1}{2}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$

C. $x = \frac{1}{6}$ hoặc $x = -\frac{1}{6}$

D. $x = \frac{1}{4}$ hoặc $x = -\frac{1}{4}$

Câu 8. Cho tỉ lệ thức $\frac{18}{x+1} = \frac{-12}{4}$, giá trị của x là

A. $x = -6$ hoặc $x = -7$

B. $x = -6$

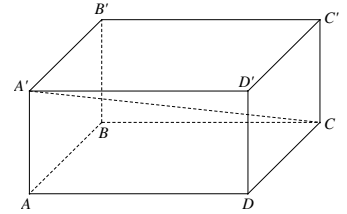
C. $x = -6$ hoặc $x = 7$

D. $x = -7$

Câu 9. Trung bình cứ 1 tạ thóc sau khi qua máy xát sẽ thu được 8 yến gạo. Vào vụ thu hoạch, bác nông dân xát 24 tấn thóc sẽ thu được bao nhiêu tấn gạo?

- A. 19,2 tấn. B. 30 tấn. C. 19200 tấn. D. 192 tấn.

Câu 10. Cho hình hộp chữ nhật bên dưới, hãy điền vào chỗ



Khi đó, mỗi đoạn thẳng $A'C$, $B'D$, $C'A$, $D'B$ gọi là của hình hộp chữ nhật.

- A. Đỉnh B. Đường chéo C. Cạnh D. Mặt

Câu 11. Hình hộp chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 4m, thể tích 192m^3 thì có chiều cao là bao nhiêu?

- A. 5m B. 7m C. 8m D. 6m

Câu 12. Cho định lí: “*Nếu hai đường thẳng cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau*”. Kết luận của định lí là

- A. Nếu hai đường thẳng cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.
B. Nếu hai đường thẳng cùng song song.
C. Nếu hai đường thẳng cùng song song với một đường thẳng thứ ba.
D. chúng song song với nhau.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (1.0 điểm) Thực hiện phép tính

$$\text{a) } \left(\frac{-7}{4} \cdot \frac{3}{8} + \frac{-7}{4} \cdot \frac{5}{8} \right) + \frac{7}{15} : \frac{-14}{5} \qquad \text{b) } \left(\sqrt{0,25} - 1,2 \right) : 1\frac{1}{20} - \left(-\frac{5}{2} \right)^2 - \left| -\frac{1}{12} \right|$$

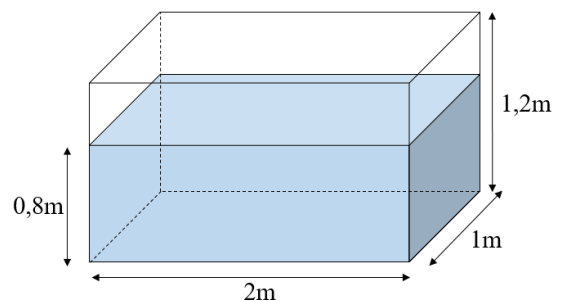
Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết

$$\text{a) } \frac{1}{5}x + \frac{2}{3} = \frac{3}{5} \qquad \text{b) } |2x - 1| - 3 = 4$$

Câu 15. (1.0 điểm) Tìm x , y , z biết $\frac{x}{3} = \frac{y}{4} = \frac{z}{-2}$ và $x + y + z = 25$

Câu 16. (1.0 điểm) Có 3 bao đường, bao thứ nhất nặng 41,6kg, bao thứ hai nặng hơn bao thứ nhất 24,5kg, bao thứ ba bằng $\frac{3}{5}$ bao thứ hai. Hỏi ba bao nặng bao nhiêu kilogram?

Câu 17. (1.5 điểm) Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài 2m, chiều rộng 1m và chiều cao 1,2m. Trong bể chứa một lượng nước cao 0,8m.



- a) Hãy tính diện tích xung quanh của bể nước.
b) Hãy tính thể tích của lượng nước chứa trong bể.
c) Cần đổ thêm bao nhiêu nước để bể đầy nước

Câu 18. (1.5 điểm) Cho định lí: “*Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó vuông góc với đường thẳng còn lại*”.

- a) Vẽ hình minh họa định lí trên.
b) Viết giả thiết, kết luận của định lí trên.

----- HẾT -----

Đề thi thử 6**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)**

Câu 1. Giá trị biểu thức $\left| -\frac{\sqrt{16}}{2} \right| \sqrt{\frac{625}{36}} - \left| \sqrt{0,25} - \frac{3}{4} \right|$ là

A. $\frac{97}{12}$

B. $-\frac{12}{97}$

C. $-\frac{97}{12}$

D. $\frac{12}{97}$

Câu 2. Tìm x biết $\frac{3}{x} = \frac{12}{-24}$

A. -6 .

B. 6 .

C. -5 .

D. 5 .

Câu 3. Cho định lí: “Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó vuông góc với đường thẳng còn lại” Giả thiết của định lí là

A. Nó vuông góc với đường thẳng còn lại

B. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó vuông góc với đường thẳng còn lại

C. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song

D. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng

Câu 4. Tìm x biết $x^2 = 144$

A. Không có x thỏa mãnB. $x = 9$ hoặc $x = -9$ C. $x = 12$ hoặc $x = -12$ D. $x = 144$ hoặc $x = -144$

Câu 5. Góc xOy có tia Oz là tia phân giác Biết $\widehat{xOy} = 45^\circ$, số đo của góc zOy là

A. 60°

B. $22,5^\circ$

C. 90°

D. 45°

Câu 6. Tính $1, (5) - 2\frac{1}{3} + 3, (4)$ ta được kết quả với độ chính xác $d=0,005$ là

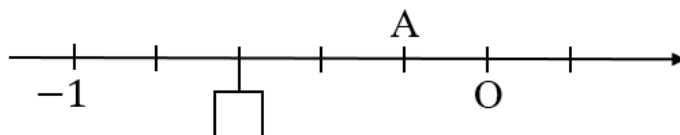
A. $2,66$.

B. $2,7$.

C. $2,67$.

D. $2,667$.

Câu 7. Điền vào ô trống



A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{-3}{4}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{-1}{2}$

Câu 8. Hình lập phương có tất cả bao nhiêu mặt?

A. 6 mặt

B. 12 mặt

C. 8 mặt

D. 4 mặt

Câu 9. Để cày xong một cánh đồng trong 5 giờ người ta cần 4 máy cày. Vậy nếu người ta dùng 5 máy cày thì cày xong cánh đồng đó trong bao lâu? Biết công suất các máy cày là như nhau.

- A. 4 giờ. B. 2 giờ. C. 5 giờ. D. 6 giờ.

Câu 10. So sánh hai số hữu tỉ $\frac{2021}{2022}$ và $\frac{2022}{2023}$

- A. $\frac{2021}{2022} = \frac{2022}{2023}$ B. $\frac{2021}{2022} < \frac{2022}{2023}$ C. $\frac{2021}{2022} > \frac{2022}{2023}$ D. Không thể so sánh

Câu 11. Một khối hình lập phương có thể tích 343m^3 thì có độ dài cạnh là

- A. 8m B. 7m C. 5m D. 6m

Câu 12. Số $-4\frac{5}{7}$ thuộc tập hợp số nào trong các tập hợp số sau?

- A. $\mathbb{N}^*$. B. $\mathbb{Q}$. C. $\mathbb{N}$. D. $\mathbb{Z}$.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (1.0 điểm) Thực hiện phép tính a) $\left(\frac{-3}{4} + \frac{2}{5}\right) : \frac{7}{3} + \left(\frac{3}{5} + \frac{-1}{4}\right) : \frac{7}{3}$ b) $\left(\frac{3}{2}\right)^2 - \left[\frac{1}{2} : 2 - \sqrt{81} \cdot \left(\frac{1}{3}\right)^2\right]$

Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết a) $x - \frac{1}{5} = \frac{-3}{2} - \frac{1}{5}$ b) $\left|x - \frac{1}{2}\right| = \frac{3}{4} - 0,25$

Câu 15. (1.0 điểm) Tìm x, y, z biết $\frac{x}{3} = \frac{y}{-5} = \frac{z}{9}$ và $x + y + z = 56$

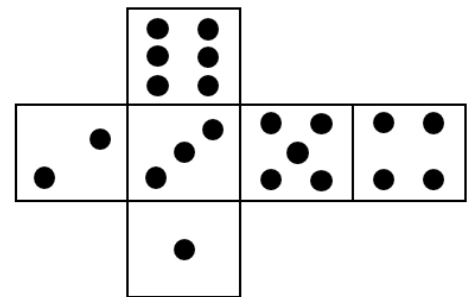
Câu 16. (1.0 điểm) Một cửa hàng đang có chương trình giảm giá 10% cho sản phẩm A và giảm 5% cho sản phẩm B. Một người đã mua ở cửa hàng này một sản phẩm A với giá niêm yết 230 000 đồng và một sản phẩm B với giá niêm yết 160 000 đồng. Hỏi người này phải trả bao nhiêu tiền cho cả hai sản phẩm?

Câu 17. (1.5 điểm) Một người làm một con súc sắc hình lập phương có kích thước như Hình a từ tấm bìa có hình dạng như Hình b.

- a) Tính thể tích con súc sắc.
b) Tính diện tích tấm bìa hình dạng như Hình b.



Hình a



Hình b

Câu 18. (1.5 điểm) Cho định lí: “Nếu hai đường thẳng cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau”.

- a) Vẽ hình minh họa định lí trên.
b) Viết giả thiết, kết luận của định lí trên.

----- HẾT -----

Đề thi thử 5**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)****Câu 1.** Cứ 100kg thóc thì cho 60kg gạo Hỏi 2 tấn thóc thì cho bao nhiêu kilogam gạo?

- A. 120kg B. 1200kg C. 200kg D. 12kg

Câu 2. Số 1,3 thuộc tập hợp số

- A. $\mathbb{Z}$ B. $\mathbb{Q}$ C. $\mathbb{N}$ D. $\mathbb{N}^*$

Câu 3. Các tỉ số sau đây có lập thành tỉ lệ thức

- A. $\frac{2}{6}$ và $\frac{4}{3}$ B. $\frac{1}{3}$ và $\frac{4}{5}$ C. $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{6}$ D. $\frac{2}{6}$ và $\frac{4}{5}$

Câu 4. Giá trị biểu thức $\frac{3}{4}\sqrt{\frac{121}{49}} + \frac{\sqrt{121}}{\sqrt{49}} \cdot \frac{1}{4}$ là

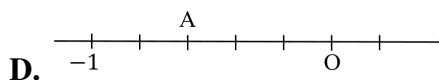
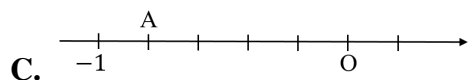
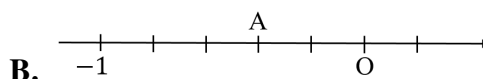
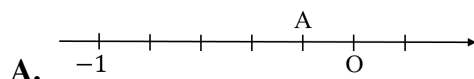
- A. $\frac{121}{49}$ B. $\frac{-11}{7}$ C. $\frac{11}{7}$ D. $\frac{-121}{49}$

Câu 5. Góc xOy có tia Oz là tia phân giác Biết $\widehat{xOy} = 45^\circ$, số đo của góc zOy là

- A. 90° B. 45° C. 60° D. $22,5^\circ$

Câu 6. Căn bậc hai số học của 81 là

- A. $x = 9$ và $x = -9$ B. $x = -9$ C. $x = 9$ D. $x = 9$ hoặc $x = -9$

Câu 7. Hình nào trong các hình sau biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{3}{5}$?**Câu 8.** Kết quả của phép tính $\frac{-3}{7} + \left(3 - \frac{3}{4}\right) - \left(2,25 - \frac{10}{7}\right)$ là

- A. 8 B. 7 C. 4 D. 1

Câu 9. Cho định lí: “Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó vuông góc với đường thẳng còn lại” Kết luận của định lí là

- A. Nó vuông góc với đường thẳng còn lại
B. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó vuông góc với đường thẳng còn lại
C. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song

D. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng

Câu 10. Thể tích của hình hộp chữ nhật có chiều dài là 7m, chiều rộng là 5m và chiều cao là 4m

- A. 140m^3 B. 96m^3 C. 140m^2 D. 96m^2

Câu 11. Số x thỏa mãn $\frac{3}{4} = \frac{15}{x}$ là

- A. 14 B. 20 C. 10 D. 15

Câu 12. Số đối của $\frac{7}{9}$ là

- A. $-\frac{7}{9}$ B. $\frac{-9}{7}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{9}{7}$

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (1.0 điểm) Thực hiện phép tính a) $1\frac{2}{5} + \left(1 - \frac{2}{3}\right)^2 - \frac{7}{10} : \frac{21}{20}$ b) $\left(\frac{3}{2}\right)^2 - \left[\frac{1}{2} : 2 - \sqrt{81} \cdot \left(\frac{1}{3}\right)^2\right]$

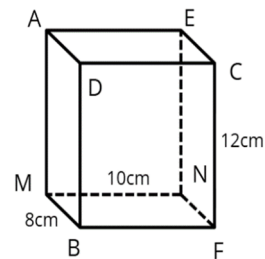
Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết a) $\frac{3}{2}x - \frac{1}{2} = \frac{2}{3}$ b) $\frac{4}{5} - \left|x - \frac{2}{3}\right| = \frac{2}{3}$

Câu 15. (1.0 điểm) Tìm x, y, z biết $\frac{x}{2} = \frac{y}{-3} = \frac{z}{8}$ và $x + y + z = 49$

Câu 16. (1.0 điểm) Hướng ứng phong trào “Tết trồng cây”, ba lớp 7A, 7B, 7C tham gia trồng cây xanh trên địa bàn phường. Biết rằng số cây lớp 7A, 7B, 7C trồng lần lượt tỉ lệ với 6; 4; 5 và tổng số cây của lớp 7B và 7C trồng được nhiều hơn của lớp 7A là 15 cây. Tính số cây mỗi lớp trồng được.

Câu 17. (1.5 điểm) Một hộp quà hình hộp chữ nhật AEDC.MNFB có $CF = 12\text{cm}$; $MN = 10\text{cm}$; $MB = 8\text{cm}$.

- a) Kể tên các cạnh bên của hình hộp chữ nhật.
b) Tính diện tích xung quanh của hộp quà.
c) Thể tích của hộp quà.



Câu 18. (1.5 điểm) Cho định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì chúng song song với nhau”.

- a) Vẽ hình minh họa định lí trên.
b) Viết giả thiết, kết luận của định lí trên.
c) Chứng minh định lí trên.

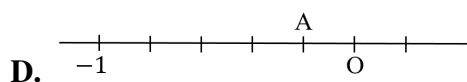
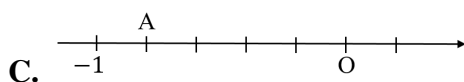
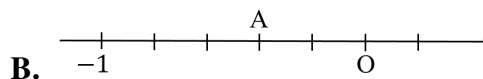
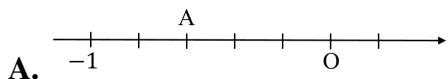
Đề thi thử 4**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)****Câu 1.** Số nào sau đây là số hữu tỉ dương?

A. $\frac{-4}{7}$

B. $\frac{-3}{5}$

C. $\frac{-1}{-2}$

D. $-\left(\frac{-3}{-7}\right)$

Câu 2. Hình nào trong các hình sau biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-1}{5}$?**Câu 3.** Chọn **khẳng định đúng** về quy tắc chuyển vế đối với số hữu tỉ

A. Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “-” hay dấu “+” đằng trước, ta giữ nguyên dấu của các số hạng trong dấu ngoặc

B. Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “-” đằng trước, ta giữ nguyên dấu của các số hạng trong dấu ngoặc

C. Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “+” đằng trước, ta đổi dấu của các số hạng trong dấu ngoặc: dấu “+” đổi thành dấu “-” và dấu “-” đổi thành dấu “+”

D. Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “+” đằng trước, ta giữ nguyên dấu của các số hạng trong dấu ngoặc

Câu 4. $\frac{7}{30}$ được viết dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn là

A. 0,(23)

B. 0,(233)

C. 0,2(3)

D. 0,(2333)

Câu 5. Tính $\sqrt{64}$.

A. -8

B. 8

C. ± 8

D. 32.

Câu 6. Giá trị biểu thức $\frac{3}{4} \cdot \sqrt{\frac{121}{49}} + \frac{\sqrt{121}}{\sqrt{49}} \cdot \frac{1}{4}$ là

A. $\frac{-121}{49}$

B. $\frac{121}{49}$

C. $\frac{-11}{7}$

D. $\frac{11}{7}$

Câu 7. Tìm x biết $x^2 = 9$

A. $x = 81$ hoặc $x = -81$

B. $x = 3$ hoặc $x = -3$

C. $x = 9$ hoặc $x = -9$

D. Không có x thỏa mãn**Câu 8.** Cho đẳng thức $ad = bc$ ($a, b, c, d \neq 0$). Tỷ lệ thức nào sau đây là **sai**?

A. $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$

B. $\frac{a}{c} = \frac{b}{d}$

C. $\frac{a}{d} = \frac{b}{c}$

D. $\frac{d}{c} = \frac{b}{a}$

Câu 9. Cứ 1 giờ đồng hồ thì xưởng sản xuất làm được 45 sản phẩm. Vậy để làm được 108 sản phẩm như thế thì xưởng sản xuất cần bao nhiêu phút

A. 120 phút

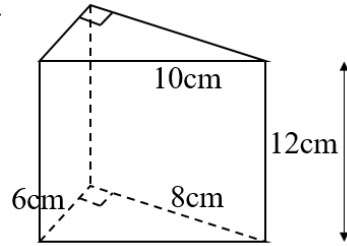
B. 3,6 phút

C. 2,4 phút

D. 144 phút

Câu 10. Cho hình lăng trụ đứng tam giác với các kích thước như hình vẽ sau. Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác này là biết đáy của lăng trụ là một tam giác vuông.

- A. 288cm^2
- B. 336cm^2
- C. 240cm^2
- D. 360cm^2



Câu 11. Góc xOy có tia Oz là tia phân giác. Biết $\widehat{zOy} = 45^\circ$, số đo của góc xOy là

- A. 45°
- B. 60°
- C. 90°
- D. $22,5^\circ$

Câu 12. Điền vào chỗ trống: Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng đường thẳng song song với đường thẳng đó.

- A. có nhiều
- B. có vô số
- C. không có
- D. chỉ có một

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (1.0 điểm) Thực hiện phép tính

$$a) \frac{-11}{8} \cdot \frac{19}{3} + \frac{19}{3} \cdot \frac{-5}{8}$$

$$b) \sqrt{\frac{16}{25}} + \frac{-7}{2} + \left| \frac{-9}{10} \right|$$

Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết

$$a) \left(-\frac{5}{9} + x \right) : \frac{18}{7} = -0,5$$

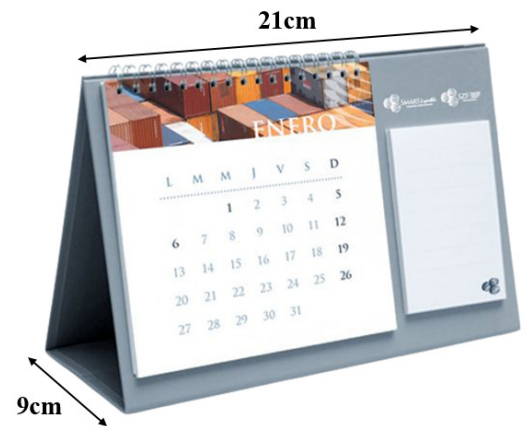
$$b) \left| x - \frac{1}{4} \right| - \frac{2}{3} = \frac{5}{6}$$

Câu 15. (1.0 điểm) Tìm x, y, z biết $\frac{x}{4} = \frac{y}{5} = \frac{z}{6}$ và $x + y - z = 24$

Câu 16. (1.0 điểm) Giá bán một sản phẩm là 20 000 đồng. Lần thứ nhất cửa hàng giảm giá 5%. Lần thứ hai cửa hàng giảm giá 10% so với giá đã giảm. Tìm giá tiền của một sản phẩm sau khi giảm hai lần?

Câu 17. (1.5 điểm) Người ta thiết kế một quyển lịch để bàn từ một tấm bìa cứng hình chữ nhật, sau đó chia thành ba phần bằng nhau và gấp lại thành một hình lăng trụ tam giác đều có độ dài mỗi cạnh bằng 9cm và chiều dài thân lịch bằng 21cm. (như hình vẽ bên)

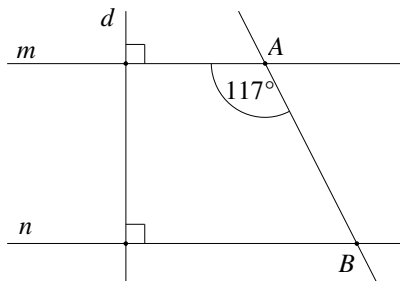
- a) Hãy tính diện tích xung quanh của tấm lịch khi được gấp hoàn thành.
- b) Chi phí in 1m^2 giấy lịch là 300 000đồng. Hỏi in 100 quyển lịch như trên sẽ hết tổng chi phí bao nhiêu?



Câu 18. (1.5 điểm) Biết $m \perp d; n \perp d$ và $\widehat{A_1} = 117^\circ$

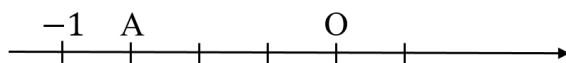
a) Vì sao $m \parallel n$

b) Tính số đo các góc $\widehat{A_2}$ và $\widehat{B_3}$



Đề thi thử 3**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)****Câu 1.** Số đối của số $-3,5$ là

- A. $3,5$ B. $\frac{3}{5}$ C. $-3,5$ D. $\pm 3,5$

Câu 2. Điểm A trong hình sau biểu diễn số hữu tỉ nào?

- A. $\frac{3}{4}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{-2}{3}$ D. $\frac{-3}{4}$

Câu 3. Chọn **khẳng định đúng** về quy tắc chuyển vế đối với số hữu tỉ

- A. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta giữ nguyên dấu của số hạng đó
B. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta đổi dấu số hạng còn lại
C. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta đổi dấu của tất cả các số hạng trong phép tính
D. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta phải đổi dấu số hạng đó

Câu 4. Số thập phân $0,005$ biểu diễn dưới dạng phân số tối giản nào?

- A. $\frac{1}{100}$ B. $\frac{3}{200}$ C. $\frac{1}{200}$ D. $\frac{3}{100}$

Câu 5. Căn bậc hai số học của 25 là

- A. 16 B. -5 C. -5 và 5 D. 5

Câu 6. Kết quả của phép tính $\left|1 - \frac{1}{3}\right| \cdot \sqrt{81} + \left|\frac{4}{3}\right| \cdot (-12)$ là

- A. -22 B. $\frac{1}{22}$ C. $-\frac{1}{22}$ D. 22

Câu 7. Tìm x biết $|x| = \frac{1}{2}$

- A. $x = \frac{1}{2}$ B. $x = -\frac{1}{2}$ C. $x = \frac{1}{2}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$ D. $x = \frac{1}{2}$ và $x = -\frac{1}{2}$

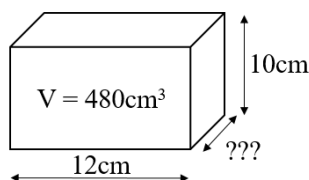
Câu 8. Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{-4} = \frac{-18}{64}$, giá trị của x là

- A. $x = \frac{9}{8}$ B. $x = \frac{8}{9}$ C. $x = \frac{9}{8}$ hoặc $x = \frac{8}{9}$ D. $x = \frac{9}{8}$ và $x = \frac{8}{9}$

Câu 9. Cứ 12 phút, một chiếc máy làm được 27 sản phẩm. Để làm được 45 sản phẩm như thế thì chiếc máy đó cần bao nhiêu phút

- A. 10 phút B. 27 phút C. 12 phút D. 20 phút

Câu 10. Tính **chiều rộng** của hình hộp chữ nhật với các thông số cho ở hình vẽ bên dưới



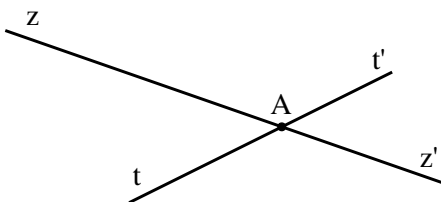
A. 5cm

B. 4m

C. 5m

D. 4cm

Câu 11. Hai đường thẳng zz' và tt' cắt nhau tại A. Có bao nhiêu cặp góc đối đỉnh?



A. 1

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 12. Điền vào chỗ trống: Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì với nhau.

A. vuông góc

B. song song

C. trùng

D. cắt

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (0.5 điểm) Thực hiện phép tính $\left(\frac{2}{3} + \frac{1}{6}\right) : \frac{5}{4} + \left(\frac{1}{4} + \frac{3}{8}\right) : \frac{5}{2}$

Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết

a) $x + \frac{1}{2} = -\frac{6}{7}$

b) $\left|x - \frac{2}{5}\right| = \frac{3}{5}$

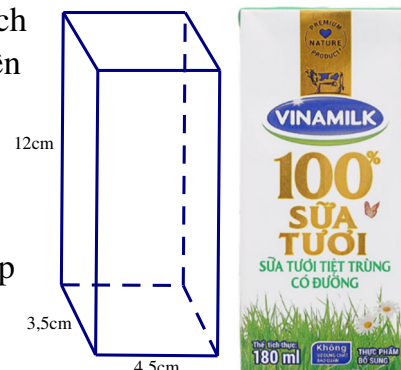
Câu 15. (0.5 điểm) Tìm x, y, z biết $\frac{x}{2} = \frac{y}{3} = \frac{z}{4}$ và $x + y + z = 18$

Câu 16. (1.5 điểm) Để làm thuốc ho người ta ngâm chanh đào với mật ong và đường phèn theo tỉ lệ: Cứ 0,5 kg chanh đào thì cần 250 g đường phèn và 0,5 l mật ong. Với tỉ lệ đó, nếu muốn ngâm 2,5 kg chanh đào thì cần bao nhiêu ki – lô – gam đường phèn và bao nhiêu lít mật ong?

Câu 17. (1.0 điểm) Một hộp sữa giấy dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước như sau: chiều dài 4,5cm, chiều rộng 3,5cm, chiều cao 12cm. Trên hộp sữa có ghi thể tích thực là 180ml, tức là thể tích sữa trong hộp là 180ml.

a) Tính thể tích của hộp sữa.

b) Trên hộp sữa có ghi thể tích thực là 180ml, tức là thể tích sữa trong hộp là 180ml. Hỏi lượng sữa trong hộp chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích hộp. (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị.) (Biết 180ml = 180cm³)



Câu 18. (1.5 điểm) Cho định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì song song với nhau”. a) Vẽ hình minh họa nội dung định lí trên.

b) Viết giả thiết, kết luận của định lí trên.

c) Chứng minh định lí trên.

Câu 19. (1.0 điểm) Tìm x, y nguyên biết $(3x - 1)(2y + 1) = 4$

Đề thi thử 2**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3.0 ĐIỂM)****Câu 1.** Khẳng định nào sau đây là **sai**?

A. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$

B. $\frac{2}{3} \in \mathbb{R}$

C. $1,(02) \in \mathbb{R}$

D. $\sqrt{2} \in \mathbb{Q}$

Câu 2. Trong các phép tính của số hữu tỉ, thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là**A.** Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa**B.** Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ**C.** Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Lũy thừa**D.** Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia**Câu 3.** Số đối của số $\sqrt{3}$ là

A. $\sqrt{3}$

B. $-\sqrt{3}$

C. $\frac{1}{\sqrt{3}}$

D. $-\frac{1}{\sqrt{3}}$

Câu 4. Số nào sau đây là số vô tỉ?

A. $\sqrt{5}$

B. $3,3$

C. $-3,(121)$

D. $\frac{3}{7}$

Câu 5. Căn bậc hai số học của 16 là

A. 16

B. -4

C. -4 và 4

D. 4

Câu 6. Kết quả của phép tính $\left| \frac{-2}{5} \right| \cdot \sqrt{16} - \left| \frac{2}{3} \cdot (-9) \right|$ là

A. $\frac{22}{5}$

B. $\frac{5}{22}$

C. $-\frac{5}{22}$

D. $-\frac{22}{5}$

Câu 7. Tìm x biết $|x| = \frac{2}{3}$

A. $x = \frac{2}{3}$

B. $x = -\frac{2}{3}$

C. $x = \frac{2}{3}$ hoặc $x = -\frac{2}{3}$

D. Không có giá trị x thoả mãn**Câu 8.** Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{15} = \frac{-4}{5}$, giá trị của x là

A. $\frac{-4}{3}$

B. 4

C. -12

D. -10 .

Câu 9. Một máy in trong 5 phút in được 120 trang. Hỏi trong 3 phút máy in đó in được bao nhiêu trang?

A. 60

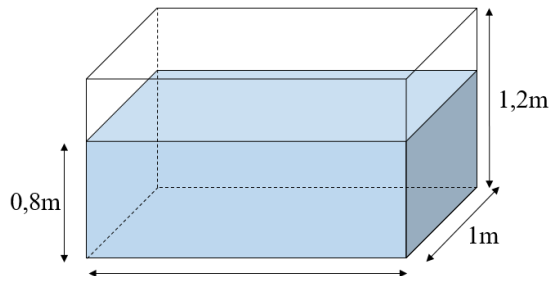
B. 96

C. 84

D. 72

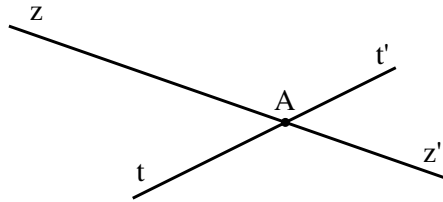
Câu 10. Tính thể tích của lượng nước chứa trong bể có các kích thước như hình vẽ

- A. $1,6 \text{ m}^2$
- B. $1,6 \text{ m}^3$
- C. $4,8 \text{ m}^3$
- D. $4,8 \text{ m}^2$



Câu 11. Hai đường thẳng zz' và tt' cắt nhau tại A. Góc đối đỉnh với $\widehat{zAt}$ là

- A. $\widehat{tAz'}$
- B. $\widehat{z'At'}$
- C. $\widehat{zAt'}$
- D. $\widehat{zAt}$



Câu 12. Chọn phát biểu **đúng**: Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì

- A. Hai góc đồng vị bù nhau
- B. Hai góc so le trong bù nhau
- C. Hai góc so le trong bằng nhau
- D. Không có đáp án nào đúng

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7.0 ĐIỂM)

Câu 13. (0.5 điểm) Thực hiện phép tính $\frac{7}{12} + \left(1 - \frac{1}{2}\right)^2 - \frac{5}{9} : \frac{5}{6}$

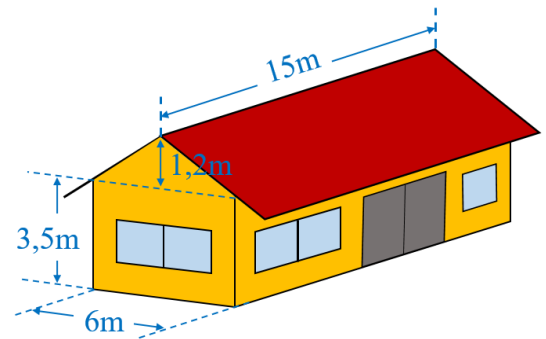
Câu 14. (1.0 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{2}x - \frac{2}{3} = -\frac{3}{4}$ b) $\left|x + \frac{1}{4}\right| - \frac{1}{2} = 0,75$

Câu 15. (0.5 điểm) Tìm x, y, z biết $\frac{x}{2} = \frac{y}{-3} = \frac{z}{8}$ và $x + y + z = 49$

Câu 16. (1.5 điểm) Nhà trường phân công ba lớp 7A; 7B; 7C chăm số 54 cây xanh trong trường. Số cây mỗi lớp cần chăm sóc tỉ lệ thuận với số học sinh của lớp. Biết lớp 7A có 40 học sinh; lớp 7B có 32 học sinh; lớp 7C có 36 học sinh. Tính số cây mỗi lớp cần chăm sóc.

Câu 17. (1.0 điểm) Một ngôi nhà có cấu trúc và kích thước được mô tả như hình bên dưới. Tính thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó.



Câu 18. (1.5 điểm) Cho định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì song song với nhau”.

- a) Vẽ hình minh họa nội dung định lí trên.
- b) Viết giả thiết, kết luận của định lí trên.
- c) Chứng minh định lí trên.

Câu 19. (1.0 điểm) Tìm x, y nguyên biết $(2x - 3)(y + 1) = 3$

Đề thi thử 1**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****NĂM HỌC: 2022 – 2023****Môn : TOÁN – Lớp 7 – Thời gian : 90 phút (không kể thời gian phát đề)****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 ĐIỂM)****Câu 1.** Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. $-5 \in \mathbb{Q}$ B. $2, (1) \in \mathbb{I}$ C. $\sqrt{2} \in \mathbb{R}$ D. $5 \in \mathbb{N}$

Câu 2. Số nào sau đây là số vô tỉ?

- A. $\sqrt{5}$ B. 3,3 C. $-2, (121)$ D. $\frac{2}{7}$

Câu 3. Căn bậc hai số học của 100 là

- A. 50 B. - 10 C. - 50 D. 10

Câu 4. Làm tròn số 542,2548 đến hàng phần chục là

- A. 542,2 B. 542,3 C. 542,255 D. 542,54

Câu 5. Chọn **khẳng định đúng**

- A. Hai góc đối đỉnh là hai góc mà mỗi cạnh của góc này là tia trùng với một cạnh của góc kia.
B. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
C. Hai tia phân giác của hai góc đối đỉnh trùng nhau.
D. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

Câu 6. Cho biểu thức $|x| = 7$ thì giá trị của x là

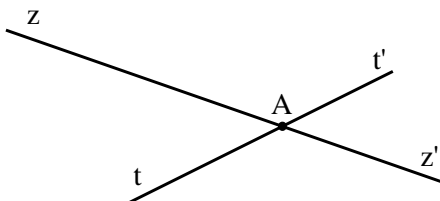
- A. $x = 7$ B. $x = -7$ C. $x = \sqrt{7}$ D. $x = 7$ hoặc $x = -7$

Câu 7. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là

- A. Các hình bình hành B. Các hình thang cân
C. Các hình chữ nhật D. Các hình thoi

Câu 8. Hai đường thẳng zz' và tt' cắt nhau tại A. Góc đối đỉnh với $\widehat{zAt'}$ là

- A. $\widehat{z'At'}$
B. $\widehat{tAz'}$
C. $\widehat{zAt'}$
D. $\widehat{zAt}$

**Câu 9.** Cho $\widehat{xOy} = 60^\circ$, Ot là tia phân giác của góc $\widehat{xOy}$. Số đo góc $\widehat{tOy}$ bằng

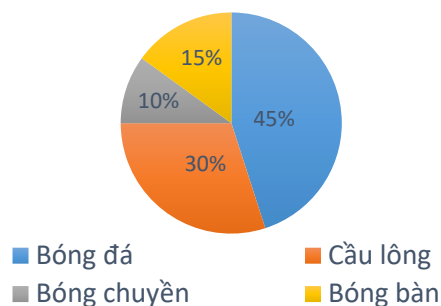
- A. 30° B. 40° C. 120° D. 50°

Câu 10. Một bể cá cảnh có dạng hình lập phương có độ dài cạnh 60cm. Tính diện tích kính làm bể cá (bể không có nắp)

- A. $14\,400\text{cm}^2$ B. $216\,000\text{cm}^2$ C. $18\,000\text{cm}^2$ D. $21\,600\text{cm}^2$

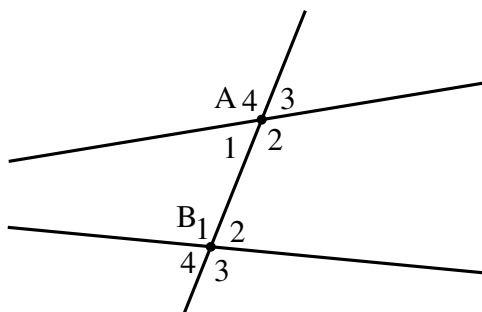
Câu 11. Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn kết quả thống kê môn thể thao yêu thích: Bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn ở trường Ngô Sĩ Liên. Nhìn vào biểu đồ em hãy cho biết học sinh chọn môn bóng đá và bóng bàn chiếm bao nhiêu phần trăm?

- A. 45%
- B. 50%
- C. 55%
- D. 60%



Câu 12. Hãy chọn câu sai

- A. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_2}$ là hai góc so le trong
- B. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_1}$ là hai góc đồng vị
- C. $\widehat{A_3}$ và $\widehat{B_4}$ là hai góc kề bù
- D. $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_3}$ là hai góc đối đỉnh



B. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 ĐIỂM)

Câu 1. (0,5 điểm) Tìm số đối của các số thực sau: 3,14; $-\sqrt{5}$

Câu 2. (0,5 điểm) Viết giả thiết, kết luận của định lí: “Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng khác thì chúng song song với nhau”.

Câu 3. (1,0 điểm)

a) Tính giá trị biểu thức $\left(\frac{1}{2}\right)^2 \cdot \sqrt{16} + \left[\left(\frac{1}{4}\right)^3 : \left(\frac{1}{4}\right)^2\right] - 2022^0$

b) Tìm x biết $\frac{17}{2}|x| - \frac{2}{3} = \frac{3}{4}$

Câu 4. (0,5 điểm) Làm tròn các số sau theo yêu cầu:

- a) Cho $a = \sqrt{3} = 1,7320508075...$ Hãy làm tròn a đến hàng phần chục nghìn.
- b) Làm tròn số 21 457 631 với độ chính xác d = 500.

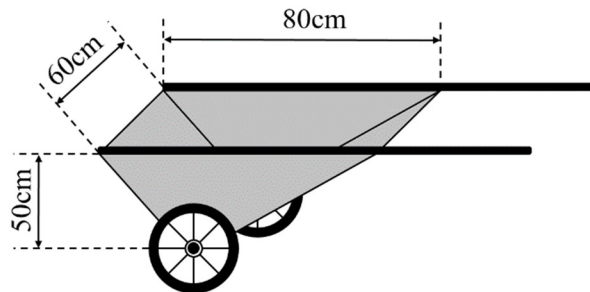
Câu 5. (0,5 điểm) Cho các dãy dữ liệu sau:

- a) Thủ đô một số quốc gia Châu Âu: Paris; Amsterdam; London.
- b) Số học sinh các khối lớp 6; 7; 8; 9 của trường THCS Ngô Sĩ Liên như sau: 555; 488; 462; 505. Em hãy phân loại mỗi dãy dữ liệu trên thuộc loại nào?

Câu 6. (1,0 điểm) Thực hiện chương trình khuyến mãi tri ân khách hàng, một siêu thị điện máy khuyến mãi giảm giá 15% trên 1 chiếc tivi. Sau đó, siêu thị lại giảm lần hai thêm 10% nữa (so với giá đã giảm lần đầu). Biết giá niêm yết của chiếc tivi lúc này là 15 000 000 đồng.

- a) Hỏi giá 1 chiếc tivi sau khi giảm giá hai lần là bao nhiêu?
- b) Biết rằng giá vốn là 10 500 000 đồng /chiếc tivi. Hỏi nếu bán hết 20 chiếc tivi trong đợt khuyến mãi thứ 2 thì siêu thị lời bao nhiêu tiền?

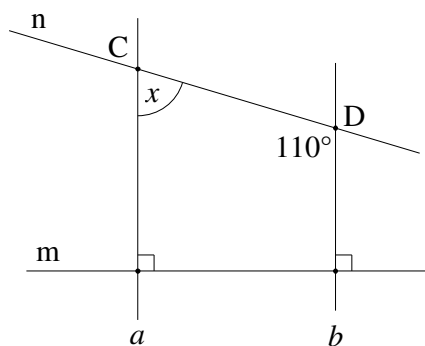
Câu 7: (1,0 điểm) Bác Bình dùng chiếc xe rùa để vận chuyển vôi vữa trong các công trình. Biết thùng chứa có dạng lăng trụ đứng tam giác với kích thước như hình vẽ



a) Em hãy tính thể tích thùng chứa xe rùa trên.

b) Nếu muốn vận chuyển 360 dm^3 vôi vữa, bác cần đẩy ít nhất mấy lượt xe rùa trên?

Câu 8: (2,0 điểm) Cho hình vẽ sau:



a) Chứng tỏ rằng $a \parallel b$

b) Tìm số đo x của các góc trong hình trên.